**Bùi Ngọc Tâm - DH20LT - 20030076**

**Chương I: Chủ nghĩa duy vậy và chủ nghĩa duy vậy biện chứng**

**Câu 1. Triết học ra đời do đâu?**

a. Do ý muốn chủ quan của con người

b. Do lý tính thế giới quy định.

c. Do nhu cầu của thực tiễn.

d. Cả a, b và c

**Câu 2. Triết học ra đời khi nào?**

a. Ngay khi xuất hiện con người.

b. Khi khoa học xuất hiện.

c. Khi tư duy của con người đạt trình độ cao có khả năng trừu tượng hoá, khái quát hoá, rút ra cái chung qua vô vàn sự kiện riêng lẻ.

d. Cả a, b và c

**Câu 3. Tìm câu trả lời đúng nhất cho câu hỏi: triết học là gì?**

a. Là môn khoa học nghiên cứu về thế giới.

b. Là môn khoa học nghiên cứu về tư duy.

c. Là môn khoa học nghiên cứu về những quy luật chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy.

d. Cả a, b và c.

**Câu 4. Đâu là định nghĩa đầy đủ và hợp lý nhất về triết học?**

a. Triết học là hệ thống tri thức của con người về thế giới

b. Triết học là tri thức lý luận của con người.

c. Triết học là hệ thống tri thức lý luận của con người về thế giới, về vị trí, vai trò của con người trong thế giới ấy.

d. Cả a, b và c

**Câu 5. Nhận định nào dưới đây là không đúng?**

a. Tự nhiên là đối tượng nghiên cứu của triết học.

b. Tự nhiên không phải là đối tượng nghiên cứu của triết học.

c. Tự nhiên là đối tượng nghiên cứu của khoa học tự nhiên và của triết học.

d. Cả a, b và c.

**Câu 6. Đâu là định nghĩa đúng về vấn đề cơ bản của triết học?**

a. Vấn đề cơ bản của triết học là vấn đề vật chất là gì, nó tồn tại như thế nào.

b. Vấn đề cơ bản của triết học là vấn đề ý thức là gì, nó có nguồn gốc từ đâu.

c. Vấn đề cơ bản của triết học là vấn đề quan hệ giữa tư duy và tồn tại, giữa ý thức và vật chất.

d. Cả a, b và c

**Câu 7. Trong các câu nói sau đây đâu là cách diễn đạt mặt thứ nhất của vấn đề cơ bản của triết học?**

a. Cảm giác của con người là hình ảnh chân thực, sinh động về sự vật.

b. Khái niệm và cảm giác có quan hệ biện chứng với nhau.

c. Giữa vật chất và ý thức cái nào có trước, cái nào có sau? cái nào quyết định cái nào?

d. Cả a, b và c

**Câu 8. Trong các câu sau, đâu là cách diễn đạt về mặt thứ hai của vấn đề cơ bản của triết học?**

a. Thế giới vật chất tồn tại khách quan độc lập với ý thức, quyết định sự tồn tại của ý thức.

b. Các sự vật trong thế giới liên hệ với nhau và luôn vận động phát triển.

c. Con người có thể nhận thức được thế giới hay không?

d. Nhận thức cảm tính có những hình thức cơ bản là cảm giác, tri giác, và biểu tượng.

**Câu 9. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan là ?**

a. Thừa nhận vật chất tồn tại độc lập.

b. Thừa nhận thực thể tinh thần tồn tại độc lập và quy định sự tồn tại của vật chất.

c. Cho rằng cảm giác và ý thức của con người là cái có trước và tồn tại sẵn có trong con người, mọi sự vật hay thế giới vật chất chỉ là kết quả của sự phức hợp của cảm giác mà thôi.

d. Cả a, b và c

**Câu 10. Vị mặn của muối là do cảm giác của con người quy định. Luận điểm đó thuộc quan điểm của trào lưu triết học nào?**

a. CNDVSH c. CNDT chủ quan

b. CNDVBC d. CNDT khách quan

**Câu 11. Không thể khẳng định một vật tồn tại khi không cảm nhận được nó. Đó là quan điểm của:**

a. CNDVSH c. CNDT khách quan

b. CNDVBC d. CNDT chủ quan

**Câu 12. Đâu là quan điểm của chủ nghĩa duy vật**

a. Vật chất là tính thứ nhất, ý thức là tính thứ hai

b. Vật chất có trước, ý thức có sau, vật chất quyết định ý thức

c. Ý thức tồn tại độc lập, không phụ thuộc vào vật chất

d. Phương án a và b.

**Câu 13. Chủ nghĩa duy vật có những hình thức cơ bản nào?**

a. Chủ nghĩa duy vật ngây thơ, chất phác

b. Chủ nghĩa duy vật siêu hình, máy móc

c. Chủ nghĩa duy vật biện chứng

d. Cả a, b và c.

**Câu 14. Triết học nào dưới đây thuộc các hình thức cơ bản của chủ nghĩa duy vật.**

a. Chủ nghĩa duy vật siêu hình

b. Chủ nghĩa duy vật tầm thường

c. Chủ nghĩa duy vật biện chứng

d. Phương án a và c

**Câu 15. Trường phái triết học nào cho ý thức là tính thứ nhất quyết định sự tồn tại của vật chất?**

a. CNDT chủ quan c. CNDV

b. CNDT khách quan d. Phương án a và b

**Câu 16. Đâu là triết học nhất nguyên?**

a. Vật chất là tính thứ nhất, quyết định sự tồn tại của ý thức.

b. Vật chất và ý thức song song tồn tại, không cái nào quyết định cái nào.

c. Ý thức là tính thứ nhất, quyết định sự tồn tại của vật chất.

d. a và c

**Câu 17. Vấn đề cơ bản của triết học là vấn đề nào?**

a. Vấn đề quan hệ giữa tư duy và tồn tại.

b. Vấn đề quan hệ giữa tự nhiên và xã hội

c. Vấn đề quan hệ giữa con người và môi trường tự nhiên

d. Cả a, b và c

**Câu 18. Tại sao vấn đề quan hệ giữa tư duy và tồn tại là vấn đề cơ bản của triết học?**

a. Vì nó là nền tảng và điểm xuất phát để giải quyết các vấn đề triết học khác.

b. Vì Các nhà triết học quy ước với nhau như vậy.

c. Vì đó là vấn đề xuất hiện ngay khi triết học ra đời.

d. Cả a, b và c

**Câu 19. Có mấy vấn đề cơ bản của triết học?**

a. Một c. Ba

b. Hai d. Bốn

**Câu 20. Vấn đề cơ bản của triết học gồm mấy mặt?**

a. Ba mặt, đó là: 1) vật chất là gì; 2) ý thức là gì; 3) khả năng nhận thức của con người như thế nào.

b. Hai mặt, đó là: 1) vật chất quyết định ý thức, hay ngược lai; 2) khả năng nhận thức của con người.

c. Hai mặt. Đó là 1) Vật chất là gì; 2) ý thức là gì.

d. Cả a, b và c

**Chương II: Phép biện chứng duy vật**

**Câu 140. Luận điểm nào sau đây là quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về bản chất của nhận thức**

a. Nhận thức là sự phản ánh hiện thực khách quan

b. Nhận thức là quá trình linh hồn hồi tưởng về thế giới ý niệm

c. Nhận thức là quá trình phản ánh một cách tích cực và sáng tạo hiện thực khách quan vào trong đầu óc con người và dựa trên cơ sở hoạt động thực tiễn

d. Cả a, b, c đều sai

**Câu 141. Coi thực tiễn là cơ sở chủ yếu và trực tiếp nhất của nhận thức, là động lực, mục đích của nhận thức và là tiêu chuẩn của chân lý. Đây là một trong những nguyên tắc cơ bản của nhận thức luận của:**

a. CNDVBC c. CNDT chủ quan

b. CNDV trước Mác d. CNDT khách quan.

**Câu 142. Thực tiễn được hiểu là hoạt động vật chất của con người. Đó là quan niệm của**

a. CNDV trước Mác c. CNDT

b. CNDVBC d. a và b

**Câu 143. Điền tập hợp từ thích hợp vào chỗ trống trong câu sau để được định nghĩa về phạm trù thực tiễn: "Thực tiễn là toàn bộ những hoạt động .... , mang tính lịch sử - xã hội của con người nhằm cải biến tự nhiên và xã hội"**

a. Vật chất c. Vật chất có mục đích

b. Tinh thần d. Tinh thần có mục đích

**Câu 144. Điền tập hợp từ thích hợp vào chỗ trống trong câu sau để được định nghĩa về phạm trù thực tiễn: "Thực tiễn là toàn bộ những hoạt động vật chất có mục đích, mang tính .... của con người nhằm cải tạo tự nhiên và xã hội".**

a. Cá nhân c. Lịch sử

b. Tự giác d. Lịch sử - xã hội

**Câu 145. Theo quan điểm của CNDVBC có bao nhiêu hình thức hoạt động thực tiễn cơ bản**

a. Có 2 hình thức c. Có 4 hình thức

b. Có 3 hình thức d. Có 5 hình thức.

**Câu 146. Những hình thức cơ bản của hoạt động thực tiễn**

a. Sản xuất vật chất. c. Chính trị xã hội

b. Quan sát và thực nghiệm khoa học d. Cả a, b và c

**Câu 147. Trong những hình thức cơ bản của hoạt động thực tiễn, hình thức nào là cơ bản nhất, có ý nghĩa quyết định đối với các hình thức khác**

a. Sản xuất vật chất c. Quan sát và thực nghiệm khoa học

b. Chính trị xã hội d. Không có hình thức nào

**Câu 148. Hoạt động thực tiễn nào tạo ra của cải thiết yếu có tính quyết định đối với sự tinh tồn và phát triển con người**

a. Hoạt động sản xuất vật chất c. Hoạt động Thực nghiệm khoa học

b. Hoạt động chính trị xã hội d. Cả a, b và c

**Câu 149. Vai trò của thực tiễn đối với nhận thức là**

a. Thực tiễn là cơ sở, động lực và mục đích của nhận thức

b. Thực tiễn là tiêu chuẩn để kiểm tra chân lý

c. Thực tiễn là hiện thực hoá nhận thức

d. Phương án a và b

**Câu 150. Quan điểm thực tiễn đòi hỏi nhận thức phải**

a. Xuất phát từ thực tiễn c. Coi trọng tổng kết thực tiễn

b. Đi sâu vào thực tiễn d. Cả a, b và

**Câu 151. Giai đoạn nhận thức nào hình thành nên các cảm giác ở con người**

a. Nhận thức cảm tính c. Nhận thức lý luận

b. Nhận thức lý tính d. Cả a, b, và c

**Câu 152. Giai đoạn nhận thức nào hình thành nên các tri giác**

a. Nhận thức cảm tính c. Nhận thức lý luận

b. Nhận thức lý tính. d. Phương án b và c

**Câu 153. Biểu tượng là hình thức nhận thức ở giai đoạn nào**

a. Nhận thức lý tính c. Nhận thức cảm tính

b. Nhận thức khoa học d. Cả a, b và c

**Câu 154. Nhận thức cảm tính có những hình thức nào**

a. Cảm giác c. Biểu tượng

b. Tri giác d. Cả a, b và c

**Câu 155. Nhận thức lý tính có những hình thức nào**

a. Khái niệm c. Suy luận

b. Phán đoán d. Cả a, b và c

**Câu 156. Khái niệm là hình thức nhận thức ở giai đoạn nào**

a. Cảm tính c. Trực quan sinh động

b. Lý tính d. Phương án a và b

**Câu 157. Phán đoán là hình thức nhận thức ở giai đoạn nào**

a. Cảm tính c. Cả a và b

b. Lý tính d. Cả a,b,c đều sai

**Câu 158. Suy luận là hình thức nhận thức thuộc giai đoạn nào**

a. Cảm tính c. Cả a và b.

b. Lý tính d. Cả a,b,c đều sai

**Câu 159. Cảm giác màu sắc, mùi vị và nhiệt độ của sự vật là nhận thức thuộc giai đoạn nào**

a. Giai đoạn nhận thức cảm tính c. Cả a và b đều đúng

b. Giai đoạn nhận thức Lý tính d. Cả a,b đều sai

**Câu 160. Nhận thức cảm tính có đặc điểm gì**

a. Phán ánh trực tiếp hiện thực khách quan

b. Phán ánh được những thuộc tính đa dạng, bên ngoài của sự vật

c. Chưa phản ánh được mối liên hệ bên trong, bản chất của sự vật

d. Cả a, b và c